

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Tư và bà Phạm Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị T, sinh năm 1990. (Có mặt).

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: anh Tạ Hữu P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: xóm P, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn với nhau vào ngày 23/2/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tình cảm, không ai bị ép buộc hay lừa dối. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại trao đổi với nhau nhưng không thành, cuộc sống hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng khủng hoảng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại sống chung với anh P được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Tạ Hữu P1, sinh ngày 30/10/2012. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/08/2024 bị đơn anh Tạ Hữu P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: anh khẳng định giữa anh và chị T trước khi cưới có tìm hiểu nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/2/2012, sau khi chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, nay chị T làm đơn ly hôn thì anh P đồng ý ly hôn với chị T.

Về quan hệ con chung: anh có nguyện vọng nếu toà án giải quyết ly hôn anh đề nghị Toà giao con chung là Tạ Hữu P1, sinh ngày 30/10/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh xin tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị T. Về con chung: Giao cháu Tạ Hữu P1, sinh ngày 30/10/2012 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tạ Hữu P1. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết. Án phí: chị Bùi Thị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tạ Hữu P, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Như vậy, tranh chấp giữa chị Bùi Thị T và anh Tạ Hữu P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Tạ Hữu P có địa chỉ thường trú tại xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp pháp Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập và anh Tạ Hữu P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tiến hành xét xử vắng mặt anh Tạ Hữu P.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị T và anh Tạ Hữu P kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2012 tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Như vậy căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Bùi Thị T và anh Tạ Hữu P sau khi kết hôn chị T và anh P sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Thấy vợ chồng anh P và chị T sống ly thân đã lâu và cả anh P, chị T không muốn hàn gắn tình cảm để vợ chồng về sống chung với nhau. Xét mục đích hôn nhân của chị T, anh P không đạt, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T.

[2.2] Về con chung: Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện giữa chị T và anh P có 01 con chung Tạ Hữu P1, sinh ngày 30/10/2012. Hiện cháu P1 đang sống chung với chị T. Và cháu Tạ Hữu P1 có nguyện vọng được ở với chị Bùi Thị T. Khi ly hôn, chị Bùi Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Và anh Tạ Hữu P đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Hiện con chung của chị T, anh P1 đều đang còn nhỏ, và đang sinh sống với chị T nên căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Tạ Hữu P có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Tạ Hữu P cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Bùi Thị T và anh Tạ Hữu P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] Về án phí: chị Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị T được ly hôn anh Tạ Hữu P.
2. Về con chung: Giao cháu Tạ Hữu P1, sinh ngày 30/10/2012 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tạ Hữu P.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số 0011560 ngày 01/08/2024. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc bản án niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- UBND xã Thọ Sơn, Anh Sơn, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thị Kim Dung